

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản khu vực cát sỏi Kẹm Búng, xã Bộc Bó và xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc điều chỉnh Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn (lần 1);

Căn cứ Biên bản đấu giá tài sản ngày 11/10/2024 và Thông báo số 277/TB-TTĐVĐGTS ngày 14/10/2024 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 289/TTr-STNMT ngày 15/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường diện tích 5,0 ha tại khu vực Kẹm Búng, xã Bộc Bó và xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn (được giới các điểm khép góc chi tiết tại Phụ lục kèm theo), như sau:

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá: Công ty TNHH SDTB, mã số doanh nghiệp 4700260995, địa chỉ Tổ 5, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Giá trúng đấu giá: Đã trúng đấu giá với mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là $Rđg = 6,0\%$.

3. Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá: Theo Quyết định phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh Bắc Kạn và Thông báo nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Cục Thuế tỉnh (trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản).

4. Diện tích huyện Pác Nặm chiếm 100%.

Điều 2. Công ty TNHH SDTB phải phải nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản mở cát làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Kẹm Búng, xã Bộc Bó và xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm cho Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn) theo quy định của pháp luật về khoáng sản trước ngày 11/4/2025.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thăm dò và trình UBND tỉnh cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty TNHH SDTB đảm bảo đúng thủ tục, trình tự theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Pác Nặm, Giám đốc Công ty TNHH SDTB và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như Điều 4 (T/hiện);

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (T/hiện);

- CT, PCT UBND tỉnh (Ô. Tuyên);

- CVP UBND tỉnh;

- Lưu: VT, NNTNMT (Hà 01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đình Quang Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC CÁT SỎI KẸM BÚNG,
XÃ BỘC BỐ VÀ XÃ BẰNG THÀNH, HUYỆN PÁC NẠM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Điểm khép góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106°30', MC 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2503820,00	418290,00	Khu 1 (tọa độ từ điểm số 1 đến điểm số 9): 1,5ha
2	2503849,99	418399,94	
3	2503838,91	418447,81	
4	2503861,78	418494,88	
5	2503891,33	418506,39	
6	2503911,14	418549,54	
7	2503762,74	418494,79	
8	2503794,43	418361,12	
9	2503790,01	418290,89	
10	2503903,00	418684,00	Khu 2 (tọa độ từ điểm số 10 đến số 18): 3,5ha
11	2503859,00	418795,00	
12	2503860,00	418919,00	
13	2503900,00	419163,00	
14	2503884,00	419167,00	
15	2503775,00	418893,00	
16	2503702,00	418788,00	
17	2503725,64	418754,77	
18	2503832,30	418728,02	
Tổng diện tích			5,0 ha